

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2015/QĐ-UBND

*Thủ Dầu Một, ngày 26 tháng 02 năm 2015*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành mức trần thù lao công chứng và thù lao  
dịch thuật trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25 tháng 8 năm 2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 183/TTr-STP ngày 06 tháng 02 năm 2015,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành mức trần thù lao công chứng và thù lao dịch thuật trên địa bàn tỉnh Bình Dương với nội dung như sau:

1. Phạm vi áp dụng: Quyết định này quy định mức trần thù lao công chứng và thù lao dịch thuật từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt hoặc từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh và cộng tác viên dịch thuật của tổ chức hành nghề công chứng;

b) Các tổ chức, cá nhân có yêu cầu công chứng và dịch thuật;

c) Phòng Tư pháp các huyện, thị xã, thành phố và cộng tác viên dịch thuật của các Phòng Tư pháp;

d) Các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ dịch thuật và có yêu cầu chứng thực chữ ký người dịch tại Phòng Tư pháp các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

3. Mức trần thù lao công chứng và thù lao dịch thuật (có Phụ lục kèm theo):

Mức trần thù lao công chứng và thù lao dịch thuật được tính trên tính chất phức tạp của vụ việc công chứng, các loại giấy tờ cần dịch và thứ tiếng cần dịch.

a) Tổ chức hành nghề công chứng xác định thù lao công chứng đối với từng loại việc không vượt quá mức trần thù lao công chứng;

b) Mức thù lao dịch thuật cụ thể do người yêu cầu dịch và người dịch tự thỏa thuận nhưng không vượt quá mức trần thù lao dịch giấy tờ, văn bản được áp dụng tại các tổ chức hành nghề công chứng;

c) Các tổ chức hành nghề công chứng và Phòng Tư pháp các huyện, thị xã, thành phố niêm yết công khai các mức thù lao công chứng và thù lao dịch thuật tại trụ sở của mình. Các tổ chức hành nghề công chứng và Phòng Tư pháp các huyện, thị xã, thành phố thu thù lao cao hơn mức trần thù lao và mức thù lao đã niêm yết thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 2.** Giao Sở Tư pháp phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện thu thù lao công chứng và thù lao dịch thuật theo quy định tại Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**

**Đã ký: Trần Văn Nam**

**MỨC TRẦN THÙ LAO CÔNG CHỨNG VÀ THÙ LAO DỊCH THUẬT**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND  
ngày 26/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	MỨC THU	
<b>I. MỨC TRẦN THÙ LAO CÔNG CHỨNG</b>			
<b>1</b>	<b>Thù lao soạn thảo và đánh máy các hợp đồng, giao dịch</b>	<b>Đơn giản</b>	<b>Phức tạp</b>
1.1	Thù lao soạn thảo và đánh máy các hợp đồng, giao dịch từ 03 trang trở xuống	100.000 đồng/trường hợp	150.000 đồng/trường hợp
1.2	Thù lao soạn thảo và đánh máy các hợp đồng, giao dịch từ 04 đến 06 trang	150.000 đồng/trường hợp	200.000 đồng/trường hợp
1.3	Thù lao soạn thảo và đánh máy các hợp đồng, giao dịch từ 07 trang trở lên	200.000 đồng/trường hợp	300.000 đồng/trường hợp
<b>2</b>	<b>Thù lao soạn thảo và đánh máy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế</b>	<b>Đơn giản</b>	<b>Phức tạp</b>
2.1	Thù lao soạn thảo và đánh máy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tổ chức hành nghề công chứng thực hiện việc niêm yết qua đường bưu điện.	600.000 đồng/văn bản, không tính số trang, gồm thù lao soạn thảo, đánh máy và thực hiện việc niêm yết.	700.000 đồng/văn bản, không tính số trang, gồm thù lao soạn thảo, đánh máy và thực hiện việc niêm yết.
2.2	Thù lao thực hiện việc soạn thảo, đánh máy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và niêm yết (trong trường hợp tổ chức hành nghề công chứng trực tiếp thực hiện việc niêm yết) được tính theo khoảng cách thực hiện niêm yết (tính từ trụ sở tổ chức hành nghề công chứng), cụ thể:	- 700.000 đồng/văn bản trong trường hợp niêm yết dưới hoặc bằng 10km; - Trong trường hợp niêm yết trên 10km, thì cứ mỗi từ 01km đến 10km tăng thêm cộng thêm 200.000 đồng nhưng tối đa không quá 3.000.000 đồng/ văn bản.	- 800.000 đồng/văn bản trong trường hợp niêm yết dưới hoặc bằng 10km; - Trong trường hợp niêm yết trên 10km, thì cứ mỗi từ 01km đến 10km tăng thêm cộng thêm 200.000 đồng nhưng tối đa không quá 3.000.000 đồng/ văn bản.

		<b>Ví dụ:</b> 11km đến 19km: 700.000 đồng + 200.000 đồng = 900.000 đồng <b>(Mức thù lao nêu trên chưa bao gồm chi phí ăn, ở và phương tiện đi lại, nếu có).</b>	<b>Ví dụ:</b> 11km đến 19km: 800.000 đồng + 200.000 đồng = 1000.000 đồng <b>(Mức thù lao nêu trên chưa bao gồm chi phí ăn, ở và phương tiện đi lại, nếu có).</b>
<b>3</b>	<b>Thù lao soạn thảo và đánh máy Văn bản khai nhận di sản</b>	<b>Đơn giản</b>	<b>Phức tạp</b>
3.1	Thù lao soạn thảo và đánh máy Văn bản khai nhận di sản thừa kế và tổ chức hành nghề công chứng thực hiện việc niêm yết qua đường bưu điện	450.000 đồng/văn bản, không tính số trang, gồm thù lao soạn thảo, đánh máy và thực hiện việc niêm yết.	550.000 đồng/văn bản, không tính số trang, gồm thù lao soạn thảo, đánh máy và thực hiện việc niêm yết.
3.2	Thù lao thực hiện việc soạn thảo, đánh máy Văn bản khai nhận di sản thừa kế và niêm yết (trong trường hợp tổ chức hành nghề công chứng trực tiếp thực hiện việc niêm yết) được tính theo khoảng cách thực hiện niêm yết (tính từ trụ sở tổ chức hành nghề công chứng), cụ thể:	- 550.000 đồng/ văn bản trong trường hợp hợp niêm yết dưới hoặc bằng 10km; - Trong trường hợp niêm yết trên 10km, thì cứ mỗi từ 01km đến 10km tăng lên cộng thêm 200.000 đồng nhưng tối đa không quá 2.850.000 đồng/ văn bản. <b>Ví dụ:</b> 11km đến 19km: 550.000 đồng + 200.000 đồng = 750.000 đồng <b>(Mức thù lao nêu trên chưa bao gồm chi phí ăn, ở và phương tiện đi lại, nếu có).</b>	- 650.000 đồng/ văn bản trong trường hợp hợp niêm yết dưới hoặc bằng 10km; - Trong trường hợp niêm yết trên 10km, thì cứ mỗi từ 01km đến 10km tăng lên cộng thêm 200.000 đồng nhưng tối đa không quá 3.000.000đ/ văn bản. <b>Ví dụ:</b> 11km đến 19km: 650.000 đồng + 200.000 đồng = 850.000 đồng/ văn bản <b>(Mức thù lao nêu trên chưa bao gồm chi phí ăn, ở và phương tiện đi lại, nếu có).</b>

4	<b>Thù lao soạn thảo và đánh máy Di chúc</b>	300.000 đồng/văn bản, không tính số trang	
5	<b>Thù lao các việc khác liên quan đến việc công chứng</b>		
5.1	Trường hợp in ấn hợp đồng, giao dịch trên 04 bộ	Thì từ bộ thứ 05 trở lên thu thêm 10.000 đồng/bộ	
5.2	Sao chụp (photocopy) giấy tờ, văn bản liên quan đến hợp đồng, giao dịch	Tối đa 1000 đồng/01 trang A4 Tối đa 3000 đồng/01 trang A3	
6	<b>Thù lao dịch giấy tờ, văn bản</b>	<p>- Đối với giấy tờ, văn bản có nhiều trang, thì từ trang thứ mười (10) trở đi sẽ tính bằng bảy mươi phần trăm (70%) mức thu đối với trường hợp đơn giản; tám mươi phần trăm (80%) mức thu đối với trường hợp phức tạp theo quy định tại khoản này.</p> <p>- Trường hợp các giấy tờ, văn bản có nhiều trang mà nội dung các trang sau có tính chất đặc điểm tương tự như trang trước (như: Hộ khẩu, học bạ và các loại giấy tờ, văn bản khác có tính chất, đặc điểm này) thì từ trang thứ hai (02) trở đi sẽ tính bằng sáu mươi phần trăm (60%) mức thu theo quy định tại khoản này, trừ các loại giấy tờ, văn bản có từ, chữ mang tính chuyên ngành, kỹ thuật.</p> <p>- Đơn vị tính thu thù lao dịch thuật là số trang hoặc tờ, bản của tài liệu, văn bản cần dịch (nội dung trang có thể bao gồm từ ngữ, hình ảnh, ký hiệu). Một trang văn bản cần dịch có số từ tối đa là 350 từ, đối với trang văn bản cần dịch là từ tiếng Việt thì số từ tối đa là 450 từ.</p>	
6.1	Mức thù lao dịch giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt	<b>Đơn giản</b>	<b>Phức tạp</b>
6.1.1	Tiếng Anh, Hoa	75.000 đồng/trang	100.000 đồng/trang
6.1.2	Tiếng Nga, Pháp	100.000 đồng/trang	120.000 đồng/trang
6.1.3	Tiếng Hàn, Nhật, Đức	120.000 đồng/trang	150.000 đồng/trang

6.1.4	Tiếng các nước khác	Tùy thuộc vào tiếng nước ngoài cần dịch, nhưng không quá 200.000 đồng/trang	
6.2	Mức thù lao dịch giấy tờ, văn bản từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài		
6.2.1	Tiếng Anh, Hoa	100.000 đồng/trang	120.000 đồng/trang
6.2.2	Tiếng Nga, Pháp	120.000 đồng/trang	150.000 đồng/trang
6.2.3	Tiếng Hàn, Nhật, Đức	150.000 đồng/trang	200.000 đồng/trang
6.2.4	Tiếng các nước khác	Tùy thuộc vào tiếng nước ngoài cần dịch, nhưng không quá 300.000 đồng/trang.	

**Lưu ý: Các trường hợp được coi là phức tạp trong việc soạn thảo hợp đồng, giao dịch và dịch giấy tờ, văn bản**

**- Trường hợp văn bản thỏa thuận phân chia di sản và văn bản khai nhận di sản được coi là phức tạp khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:**

- + Thừa kế thế vị, thừa kế trong trường hợp người được hưởng di sản chết sau người để lại di sản;
- + Có nhiều người ( $\geq 05$  người) thỏa thuận phân chia, khai nhận di sản;
- + Có tài sản là bất động sản ở nhiều nơi (thuộc nhiều địa bàn cấp huyện khác nhau);
- + Có người làm chứng, người phiên dịch.

**- Trường hợp hợp đồng, giao dịch khác được coi là phức tạp khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:**

+ Các hợp đồng, giao dịch ít phổ biến (Không có mẫu hợp đồng trên phần mềm, Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT/BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất không quy định hoặc không được liệt kê trong Bộ luật dân sự);

+ Các hợp đồng, giao dịch về bất động sản mà có 02 tài sản thuộc nhiều địa bàn cấp huyện khác nhau hoặc có từ 03 tài sản trở lên;

+ Các hợp đồng về kinh doanh thương mại; hợp đồng, giao dịch có yếu tố nước ngoài;

+ Có người làm chứng, người phiên dịch;

+ Quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình và số lượng thành viên hộ gia đình từ 05 người trở lên;

+ Có nhiều người ( $\geq 05$  người) tham gia hợp đồng, giao dịch;

**- Trường hợp được xem là phức tạp trong việc dịch giấy tờ, văn bản:**

- + Các loại giấy tờ, văn bản chưa được mẫu hóa;
- + Các loại giấy tờ, văn bản ít được lưu hành, mang tính chuyên ngành, kỹ thuật như: Quyết định của Tòa án; bản tuyên thệ; di chúc; hợp đồng kinh tế, dân sự; bản án; các văn bản chuyên ngành y khoa, kỹ thuật và các loại giấy tờ, văn bản có hình thức tương tự.

**II. MỨC TRẦN THÙ LAO DỊCH THUẬT**

Đối với việc dịch thuật do đội ngũ cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp cấp huyện, các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ dịch thuật thực hiện và có yêu cầu chứng thực chữ ký người dịch tại Phòng Tư pháp cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Dương thì mức thù lao dịch thuật được áp dụng theo Khoản 6 Mục I của Phụ lục này.